

Quảng Nam, ngày 21 tháng 3 năm 2024

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành**

Kính gửi:

- Lãnh đạo Bộ Y tế;
- Lãnh đạo Cục Quản lý Khám bệnh, chữa bệnh;
- Lãnh đạo Cục Khoa học công nghệ và Đào tạo.

Tên cơ sở công bố: Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam
Số Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh 226/BYT-GPHĐ do Bộ Y
tế cấp ngày 08/03/2022

Địa chỉ: Thôn Nam Sơn, Tam Hiệp, Núi Thành, Quảng Nam

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Nguyễn Đình Hùng

Điện thoại liên hệ: 0982.305.059 Email (nếu có): drdinhhungtm@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở
khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy
định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền
- Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học
- Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng
- Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh.

2. Danh sách người hướng dẫn thực hành: (Danh mục mẫu kèm
theo- Phụ lục).

3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành
khác: Không

4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành:

Stt	Đối tượng thực hành	Số lượng có thể tiếp nhận
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	210

2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	85
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	40
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	15
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	15
6	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	25
7	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	10
8	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	135
9	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	25
10	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	15
11	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phụ hồi chức năng	25
12	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh	30

5. Chi phí hướng dẫn thực hành:

Stt	Đối tượng thực hành	Chi phí thực hành
1	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
2	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nội khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
3	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Ngoại khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
4	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Sản khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
5	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Nhi khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
6	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Y học cổ truyền	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
7	Bác sỹ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	1.500.000đ/tháng/1HV x 12 tháng = 18.000.000đ/1HV
8	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng đa khoa	1.500.000đ/tháng/1HV x 06 tháng = 9.000.000đ/1HV
9	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	1.500.000đ/tháng/1HV x 06 tháng = 9.000.000đ/1HV
10	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh	1.500.000đ/tháng/1HV x 06



	y học	tháng = 9.000.000đ/1HV
11	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phụ hồi chức năng.	1.500.000đ/tháng/1HV x 06 tháng = 9.000.000đ/1HV
12	Hộ sinh với phạm vi hành nghề Hộ sinh	1.500.000đ/tháng/1HV x 06 tháng = 9.000.000đ/1HV

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Bộ Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu: VT, KHTH.



Thủ trưởng cơ sở

Nguyễn Đình Hùng



Quảng Nam, ngày 21 tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG QUẢNG NAM

(Ban hành kèm theo Bản công bố số 135.../BVĐKTWQN ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

- Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023;

- Căn cứ Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khám bệnh, chữa bệnh;

- Căn cứ Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh;

Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam lập kế hoạch đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh đối với các học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Học viên sau quá trình thực hành sẽ có khả năng thực hiện các kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh, chăm sóc người bệnh và kê đơn thuốc một cách chủ động, an toàn, hiệu quả cho người bệnh.

2. Mục tiêu cụ thể:

Nội dung thực hành khám bệnh, chữa bệnh dựa trên cơ sở quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc quy định chi tiết một số điều Luật khám bệnh, chữa bệnh.

II. PHẠM VI, THỜI GIAN VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Phạm vi triển khai:

Các khoa lâm sàng, cận lâm sàng tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam

2. Thời gian thực hiện: Cả năm

3. Đối tượng: Học viên tốt nghiệp các trường khối ngành sức khỏe chưa trải qua thời gian thực hành có nhu cầu thực hành để cấp Giấy phép hành nghề.

III. NỘI DUNG HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

1. Hướng dẫn về các văn bản quy định pháp luật khám bệnh, chữa bệnh:

a. Nội dung: (mỗi nội dung 2-4 giờ tín chỉ)

- Quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp;
- An toàn người bệnh;
- Kỹ năng giao tiếp và ứng xử với người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh;
- Quy chế tổ chức, quản lý Bệnh viện.

b. Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành lâm sàng

2. Hướng dẫn thực hành lâm sàng

2.1 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là bác sỹ Y khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 2 tháng, khoa Ngoại: 2 tháng (chọn 1 trong 3 khoa: Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương, Ngoại lồng ngực), khoa Nhi: 1 tháng, khoa Sản: 1 tháng, khoa Tai mũi họng: 0.5 tháng, khoa Răng Hàm Mặt: 0.5 tháng, khoa Mắt: 0.5 tháng, khoa Da liễu: 0.5 tháng, khoa Y dược cổ truyền: 0.5 tháng, khoa Phục hồi chức năng: 0.5 tháng).

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh đa khoa

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.2 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nội khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nội tổng hợp.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục II phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.3 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Ngoại khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Ngoại (chọn 1 trong 3 khoa: Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương, Ngoại lồng ngực)

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XIX phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.4 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Sản khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Sản.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Sản.

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục XII phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.5 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Nhi khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Nhi.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục V và mục III phụ lục IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.6 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ y học cổ truyền:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa y dược cổ truyền.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa y học cổ truyền

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VI Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.7 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho bác sỹ với phạm vi hoạt động chuyên môn là Bác sỹ Răng hàm mặt:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 3 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 2 tháng, khoa Cấp cứu: 1 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 9 tháng tại khoa Răng hàm mặt.

b. Nội dung thực hành:

- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Răng hàm mặt

- Danh mục kỹ thuật trong phụ lục VIII Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.8 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Điều dưỡng đa khoa:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:



- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 0.5 tháng, khoa Cấp cứu: 0.5 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Nội tổng hợp: 2 tháng, khoa Ngoại: 1 tháng (chọn 1 trong 3 khoa: Ngoại tổng hợp, Ngoại chấn thương, Ngoại lồng ngực), khoa Nhi: 1 tháng).

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I, II phụ lục XII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.9 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Xét nghiệm y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 0.5 tháng, khoa Cấp cứu: 0.5 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng (trong đó thực hành tại khoa Huyết học – Truyền máu – Giải phẫu bệnh: 2 tháng, khoa Hoá sinh: 1,5 tháng, khoa Vi sinh: 1,5 tháng).

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục II phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.10 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hình ảnh y học:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 0.5 tháng, khoa Cấp cứu: 0.5 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục I phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.11 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Phục hồi chức năng:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 0.5 tháng, khoa Cấp cứu: 0.5 tháng).

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Phục hồi chức năng.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong mục lục III phụ lục XIV, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

2.12 Hướng dẫn thực hành lâm sàng cho Hộ sinh:

a. Thời điểm và thời gian thực hành:

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh về hồi sức cấp cứu là 1 tháng (trong đó thực hành tại khoa Hồi sức tích cực và chống độc: 0.5 tháng, khoa Cấp cứu: 0.5 tháng).

PHÒNG
A
NG
AM

- Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh là 5 tháng tại khoa Phụ sản.

b. Nội dung thực hành:

Danh mục kỹ thuật trong phụ lục XIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Người chịu trách nhiệm đào tạo: Giám đốc Bệnh viện

- Chịu trách nhiệm trong toàn bộ quá trình đào tạo và kết quả đào tạo tại Bệnh viện (trách nhiệm chung).

- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Quyết định phân công, chỉ đạo cá nhân hoặc bộ phận làm quản lý đào tạo.

- Xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo quy định.

2. Phòng Kế hoạch tổng hợp

- Xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành trình Lãnh đạo bệnh viện phê duyệt. Phối hợp các trưởng/phó khoa liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể cho khoá đào tạo.

- Điều phối hoạt động đào tạo thực hành.

- Đánh giá mức độ hoàn thành cuối kỳ của học viên.

- Phối hợp với các trưởng khoa đề xuất việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung đào tạo phương thức tổ chức đào tạo phù hợp với điều kiện thực tế, trình Giám đốc phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm báo cáo đánh giá kế hoạch đào tạo định kỳ và đột xuất của bệnh viện.

- Lập danh sách học viên đăng ký thực hành tại Bệnh viện và người hướng dẫn thực hành tại Bệnh viện.

- Thực hiện thủ tục xác nhận hoàn thành quá trình thực hành theo mẫu 07 Phụ lục I của Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

3. Phòng Quản lý chất lượng – Công tác xã hội:

- Đăng tải công khai Kế hoạch hướng dẫn thực hành trên trang thông tin điện tử của Bệnh viện.

4. Các khoa, phòng chịu trách nhiệm đào tạo tại khoa: Các trưởng, phó khoa liên quan.

- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo tại khoa.

- Trực tiếp tham gia hướng dẫn cho học viên.

- Đánh giá mức độ hoàn thành của học viên.

5. Nhiệm vụ của học viên

- Tham gia thực hành đủ thời gian như quy định.

- Nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bệnh viện, học tập, thực hành dưới sự hướng dẫn, giám sát của người được phân công phụ trách hướng dẫn thực hành.

- Chủ động, tích cực học tập, thực hành theo chương trình đào tạo để đạt các chuẩn năng lực theo quy định.

- Tích cực đưa ý kiến phản hồi để hoàn thiện kỹ năng.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN: Thực hiện theo quy chế của Bệnh viện và kinh phí theo kế hoạch riêng.

Quảng Nam, ngày 21 tháng 3 năm 2024

PHỤ LỤC

DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

(Ban hành kèm theo Bản công bố số. 1125../BVĐKTWQN ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Trung ương Quảng Nam về việc Công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành)

STT	Họ và tên	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn	Ghi chú
I	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nội				
1	Trần Thị Duyên	THS.BS.CKII	0020432/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
2	Nguyễn Hữu Dũng	BSCKI	040091/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
3	Trần Anh Quý	BSCKI	0014665/BYT-CCHN	Khám bệnh, Chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
4	Nguyễn Thế Lại Tâm	THS.BS.CKII	0016484/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
5	Lê Tấn Toàn	BSCKI	0014658/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
6	Trịnh Thị Mai Linh	THS.BS.CKII	0018157/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
7	Nguyễn Đình Hùng	THS.BS.CKII	030106/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch, Tim mạch can thiệp	
8	Phan Tấn Quang	TS.BS	028932/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	
9	Trần Văn Trọng	THS.BS.CKII	030109/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	
10	Nguyễn Văn Bình	BSCKI	0016559/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Nội tim mạch	
11	Đoàn Quốc Đạt	THS.BS	0025083/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	
12	Nguyễn Thị Ngọc Diễm	Bác sĩ	041810/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	
13	Phan Thị Nghĩa	THS.BS	040120/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	
14	Trác Hoài Hải	THS.BS	0025080/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	

15	Hoàng Lê Ngọc Vinh	Bác sĩ	045379/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	
16	Nguyễn Thị Kim Phụng	BSCKI	019850/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa (theo QĐ số 3161/QĐ-BYT, ngày 10/7/2017)	
17	Nguyễn Kim Tinh	BSCKI	031142/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, không làm thủ thuật chuyên khoa.	
II Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Ngoại					
1	Nguyễn Việt Trung Đức	THS.BS	0014671/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	
2	Trình Anh Hoàng	BSCKI	0016598/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	
3	Nguyễn Hồng Việt	BSCKI	000650/QNG-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
4	Nguyễn Văn Lượng	TS.BS	034157/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
5	Lê Lộc	TS.BS	003088/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
6	Dương Chí Lực	THS.BS	000901/QNA-CCHN	Sản phụ khoa, Khám chữa bệnh ngoại khoa (theo quyết định số: 2857/QĐ-SYT ngày 27/7/2017 về việc bổ sung phạm vi hoạt động), Khám chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu (theo QĐ số 1447/QĐ-BV ngày 8/8/2019 về việc bổ sung phạm vi hoạt động)	
7	Nguyễn Lương Tấn	TS.BS	0025019/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
8	Trần Văn Do	BSCKI	019852/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	
III Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Sản					
1	Phạm Minh Vương	BSCKI	029637/BYT-CCHN	Khám chữa bệnh Chuyên khoa Sản phụ khoa	
2	Trần Thị Bé Pha Ly	BSCKI	0016595/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa	
3	Alăng Thị Có	BSCKI	002926/QNA-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa sản phụ khoa	
IV Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Nhi					
1	Trần Dương Quân	THS.BS.CKII	0016866/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	

2	Lý Vũ Thị Bảo Thanh	THS.BS.CKII	0014662/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
3	Lê Thị Thúy Vi	BSCKI	0025061/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nhi	
V	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Hồi sức				
1	Nguyễn Phan Thắng	BSCKI	035380/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức và chống độc	
VI	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Da liễu				
1	Trần Thị Thu Sang	BSCKI	000284/QNA-CCHN	Chuyên khoa Da liễu	
VII	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Y học cổ truyền				
1	Lương Văn Tấn	BSCKI	0014179/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	
2	Trần Đình Khánh	BSCKI	033300/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	
3	Ngô Văn Tài	Bác sĩ	004053/QB-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	
4	Nguyễn Thị Minh Ngọc	BSCKI	031243/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	
5	Lê Thị Hằng	BSCKI	031288/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền	
VIII	Hướng dẫn thực hành chuyên khoa Răng hàm mặt				
1	Nguyễn Văn Tùng	BSCKI	019855/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
2	Phan Thị Lê Vy	Bác sĩ	046637/BYT-CCHN	Khám bệnh chữa bệnh chuyên khoa Răng Hàm Mặt	
IX	Hướng dẫn thực hành Điều dưỡng				
1	Ngô Xuân Ân	ĐDDH	0016521/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
2	Nguyễn Thị Mỹ Diệu	ĐDDH	0016555/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2006	
3	Huỳnh Thị Tư	ĐDDH	0018062/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005	
4	Nguyễn Thị Ái Nhung	ĐDDH	0018147/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2003	
5	Huỳnh Quang Tuyền	ĐDDH	0025984/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2007	

6	Đặng Thị Tuyết	ĐDDH	0016605/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2006
7	Nguyễn Thị Thảo	ĐDDH	0018099/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
8	Phạm Thị Xuân Hoa	ĐDDH	0016494/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
9	Dương Thị Trúc Phương	ĐDDH	0016502/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
10	Nguyễn Thị Thông	ĐDDH	0016504/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
11	Nguyễn Thị Hương	ĐDDH	0018132/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
12	Mai Thị Thương	ĐDDH	0025060/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
13	Chung Thị Hậu Liên	ĐDDH	0018088/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
14	Lê Thị Ngọc Loan	ĐDDH	0018051/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
15	Huỳnh Thị Phượng	ĐDDH	0016490/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
16	Nguyễn Thị Phượng	ĐDDH	0016608/BYT-CCHN	Thực hiện theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011.
17	Nguyễn Thị Hồng Viên	ĐDDH	0016525/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
18	Lê Thị Phương Sa	ĐDDH	0018087/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
19	Phan Trần Giang Hòa	ĐDDH	0016619/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
20	Phạm Thị Xuân Diêu	ĐDDH	0016582/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
21	Hồ Thị Loan	ĐDDH	0018081/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005

22	Nguyễn Thị Na	ĐDDH	0016493/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005.
23	Phạm Thị Liễu	ĐDDH	0018070/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
24	Đỗ Thị Huyền Ngân	ĐDDH	0018071/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
25	Lê Văn Thương	ĐDDH	0016611/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
26	Lê Thị Ly Sa	ĐDDH	0018091/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
27	Phạm Trinh Thúy Ái	ĐDDH	0016514/BYT-CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005
X	Hướng dẫn thực hành Xét nghiệm y học			
1	Nguyễn Anh Dũng	THS-YHCN	0016870/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm
2	Hoàng Thị Lan	THS-YHCN	0018130/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm
3	Lê Quang Vũ	THS-YHCN	0016516/BYT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm
4	Lưu Quang Việt	KTVĐH	0016541/BYT-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm huyết học
5	Nguyễn Thanh Tuấn	THS-YHCN	0016483/BYT-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm Vi sinh
XI	Hướng dẫn thực hành Hình ảnh y học			
1	Trần Minh Hòa	Thạc sĩ Y học chức năng	0016511/BYT-CCHN	Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh
2	Nguyễn Phú Quốc	THS.BS	0016572/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
3	Võ Văn Thanh	KTVĐH	0016510/BYT-CCHN	Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
XII	Hướng dẫn thực hành Phục hồi chức năng			
1	Lê Viết Hiền	BSCKI	0025990/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa phục hồi chức năng
2	Nguyễn Giao Thùy Hương	BSCKI	041319/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu - PHCN
3	Nguyễn Thị Kim Chi	KTYĐH	0018065/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu - PHCN
4	Võ Hồng Lĩnh	KTYĐH	0025066/BYT-CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu - PHCN

5	Phạm Thị Hoài Trần	KTYĐH	029690/BYT- CCHN	Chuyên khoa Vật lý trị liệu - PHCN	
XIII	Hướng dẫn thực hành Hộ sinh				
1	Hồ Thị Tụ	HSDH	004292/QNA- CCHN	Chuyên ngành phụ sản	
2	Lý Thị Lệ Giang	HSDH	004292/QNA- CCHN	Thực hiện theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011.	
3	Cao Thị Đức Thanh	HSDH	004292/QNA- CCHN	Thực hiện theo thông tư số 12/2011/TT-BYT ngày 15/3/2011.	

vinh.kcb_Nguyen Hung V.../04/2024 14:11:22

